

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC NINH TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Khổng Văn Thắng*

TÓM TẮT

Công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong những năm gần đây đã đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ đang diễn ra mạnh mẽ theo xu hướng tích cực. Tuy nhiên, chất lượng phát triển công nghiệp của Tỉnh chưa cao; vì vậy, việc đánh giá những thành tựu và hạn chế của quá trình phát triển công nghiệp để đưa ra những giải pháp hợp lý nhằm thúc đẩy công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phát triển nhanh mạnh, đáp ứng yêu cầu của thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cần thiết.

Từ khoá: Bắc Ninh, công nghiệp, doanh nghiệp.

ABSTRACT

Industry Bac Ninh province in recent years has achieved rapid growth, industrial restructuring by sector, according to economic sectors and territorial strong ongoing positive trend. However, the quality of the province's industrial development is not high; Therefore, the assessment of the achievements and shortcomings of the process of industrial development to provide reasonable solutions to promote industrial development in Bac Ninh fast reliable, meet the requirements of the era of industrialization modernization is necessary.

Keywords: Bac Ninh, industry, business.

1. Đặt vấn đề

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phấn đấu đến năm 2015 tỉnh Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp, hàng loạt các khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp làng nghề đã hình thành, thu hút trên 700 dự án lớn trong và ngoài nước đến đầu tư. Vì thế, sản xuất công nghiệp (CN) tỉnh Bắc Ninh đã có những bước nhảy vọt với tốc

độ tăng trưởng nhanh chóng trong thời gian gần đây, giúp tỉnh Bắc Ninh trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về tốc độ phát triển kinh tế với mức tăng trưởng bình quân GRDP trên 15,7%/năm. Có được những thành tựu đáng khích lệ đó trước hết là nhờ sự năng động, sáng tạo và tư duy đổi mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhờ vậy, tỉ trọng ngành công nghiệp của tỉnh chiếm trong tổng GRDP tăng từ 65,87% năm 2012 lên 73,01% năm 2016. Tuy nhiên, về cơ bản, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phát triển

* Thạc sĩ, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh

chủ yếu theo chiều rộng, giá trị gia tăng thấp, sự phát triển và phân bố công nghiệp còn mất cân đối giữa các vùng trong tỉnh. Vì vậy, cần nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng các nguồn lực phát triển công nghiệp nhằm phát huy những thành tựu, đồng thời khắc phục khó khăn, tồn tại để công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phát triển có hiệu quả ngày càng cao cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

Hiện tại Bắc Ninh có tổng số 16 Khu công nghiệp (KCN) tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung theo văn bản số 1511/TTg-KTN ngày 20-8-2014 và Văn bản số 2007/TTg-KTN ngày 6-11-2015, với tổng diện tích 6.397,68 ha. 13 KCN được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (CNĐT) cho 16 dự án hạ tầng KCN với tổng diện tích quy hoạch 5.111,5ha và diện tích đất công nghiệp cho thuê là 3.476,41ha. 9 KCN đã đi vào hoạt động với diện tích quy hoạch 2.872,98 ha, diện tích đất công nghiệp cho thuê là 2.017,61ha, đã cho thuê 1.415,87ha đất công nghiệp. Tỷ lệ lấp đầy trên

diện tích đất quy hoạch đạt 70,18%, trên diện tích đất thu hồi 82,73%. Vì thế, trong những năm gần đây, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, nên đạt được nhiều thành quả đáng kể.

2.1. Về sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) từ năm 2012 đến năm 2016 tăng liên tục, từ 373.029 tỉ đồng lên 705.292 tỉ đồng, gấp 1,89 lần so với năm 2012 (xem bảng 1). Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 – 2016 là 17,26% và là địa phương có giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ 2 cả nước chỉ sau thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về tốc độ tăng trưởng công nghiệp

Trong giai đoạn 2012-2016, tỉnh Bắc Ninh đã có sự sáng tạo, linh hoạt trong thu hút đầu tư, với phương châm ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo... Vì vậy, công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh đã có sự dịch chuyển khá mạnh từ công nghiệp khai thác, sang công nghiệp chế biến, chế tạo (xem bảng 1).

Bảng 1. Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp tỉnh Bắc Ninh theo ngành giai đoạn 2012 – 2016 (Giá so sánh năm 2010)

Chỉ tiêu	Năm					Tốc độ phát triển BQ 2012 - 2016 (%)
	2012	2013	2014	2015	2016	
Giá trị sản xuất (tỷ đồng)	373.029	578.393	569.599	643.599	705.292	17,26
Chia ra:						
Công nghiệp khai thác	28	27	4	3	1	-56,53
Công nghiệp chế biến	372.381	577.591	568.651	642.706	704.446	17,28

Công nghiệp sản xuất & phân phối điện, khí đốt, nước nóng, cung cấp nước, xử lý rác	620	775	944	890	845	8,05
Chỉ số phát triển (%)	x	155.1	98.5	113.0	109.6	x
Trong đó:						
Công nghiệp khai thác	x	96.4	14.8	75.0	66.7	x
Công nghiệp chế biến	x	155.1	98.5	113.0	109.6	x
Công nghiệp xuất & phân phối điện, khí đốt, nước nóng, cung cấp nước, xử lý rác	x	125.0	121.8	94.3	94.9	x

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 1997-2016

Trong 5 năm giai đoạn 2012 - 2016, ngành công nghiệp chế biến của tỉnh Bắc Ninh có tốc độ tăng trưởng bình quân nhanh nhất, tăng 17,28%, tiếp đến là công nghiệp sản xuất & phân phối điện, khí đốt, nước, xử lý nước thải, rác thải tăng chậm hơn chỉ 8,05%. Trong khi công nghiệp khai thác giai đoạn 2012-2016 lại giảm 56,53%. Về cơ cấu, ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng cao nhất, năm 2012 ngành này chiếm 99,8% giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp, đến năm 2016 ngành này đã chiếm đến 99,88% giá trị sản xuất toàn ngành. Sau đó là ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, sản xuất nước và xử lý rác thải năm 2012, chiếm 0,17%, đến năm 2016, chỉ chiếm 0,12%.

2.3. Về Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế

GTSX công nghiệp theo thành phần kinh tế có sự tăng trưởng nhanh ở cả ba khu vực, nhưng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất từ 2012 đến năm 2016, bình quân mỗi năm tăng 17,56%, tiếp đến là khu vực nhà nước bình quân giai

đoạn (2012 - 2016) tăng 16,37%, riêng khu vực ngoài nhà nước có xu hướng tăng song chậm nhất, bình quân giai đoạn này giảm 14,73%, nguyên nhân chính là do kinh tế ngoài nhà nước quá nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, sản phẩm đầu ra kém sức cạnh tranh, quản lý vẫn theo tư duy quy mô hộ gia đình (xem bảng 2).

Tỉ trọng GTSX công nghiệp khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2012- 2016 tăng 0,92%, từ 88,64% năm 2012 lên 89,56% năm 2016. Khu vực ngoài nhà nước giảm về tỉ trọng từ 10,8% năm 2012 xuống còn 9,9% năm 2016, giảm 0,9%; khu vực nhà nước cũng giảm về tỉ trọng từ 0,56% năm 2012 xuống 0,55% năm 2016, giảm 0,01% trong cả chu kì.

Trong cơ cấu GTSX công nghiệp theo thành phần kinh tế thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất, khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỉ trọng thấp nhất. Như vậy, nhân tố thúc đẩy tăng trưởng giá trị sản xuất của tỉnh Bắc Ninh chủ yếu nhờ thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Bảng 2. Cơ cấu Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh theo thành phần kinh tế giai đoạn 2012 - 2016 (Giá so sánh năm 2010)

Chỉ tiêu	Năm					Tốc độ tăng trưởng BQ giai đoạn 2012-2016
	2012	2013	2014	2015	2016	
Tổng số (tỉ đồng)	373.029	578.393	569.599	643.599	705.292	17.26
Khu vực nhà nước	2.104	2.464	2.740	3.065	3.859	16.37
Khu vực ngoài nhà nước	40.280	48.333	51.779	58.141	69.800	14.73
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	330.645	527.596	515.080	582.393	631.633	17.56
Cơ cấu (%)	100	100	100	100	100	x
Khu vực nhà nước	0,56	0,43	0,48	0,48	0,55	x
Khu vực ngoài nhà nước	10,8	8,36	9,09	9,03	9,90	x
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	88,64	91,22	90,43	90,49	89,56	x

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 1997- 2016

2.4. Về phát triển sản xuất công nghiệp theo địa bàn

Công nghiệp tỉnh Bắc Ninh có sự phân hóa mạnh mẽ theo lãnh thổ (xem bảng 3). Công nghiệp tập trung phát triển mạnh nhất ở khu vực phía Bắc của tỉnh gồm huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh và huyện Tiên Du và thị xã Từ Sơn, bốn địa phương này năm 2016 có giá trị sản xuất công nghiệp lên tới 671.185 tỷ đồng, chiếm tới 95,16% GTSX công nghiệp toàn tỉnh, trong khi 4 huyện phía Bắc của tỉnh chỉ chiếm 4,84% GTSX công nghiệp của tỉnh. Như vậy, bức tranh phân bố công nghiệp tỉnh Bắc Ninh thể hiện sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh. Công nghiệp tập trung chủ yếu ở phía Bắc sông Đuống của tỉnh Bắc Ninh cả về GTSX công nghiệp và số cơ sở SX công nghiệp, trong đó số cơ sở

SX công nghiệp ở khu vực này chiếm 73,1% năm 2016. Các huyện, thị phía Bắc có cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng phát triển, thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời các huyện này còn tập trung nhiều khu công nghiệp lớn của tỉnh, dân cư nguồn lao động đông đúc, gần thành phố Hà Nội... Trong khi đó, công nghiệp ở các huyện phía Nam phát triển còn khiêm tốn, số cơ sở SX công nghiệp đạt 26,9% cơ sở năm 2016). Điều này cho thấy sự bất cập trong việc phát triển chưa đồng bộ về cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư giữa các vùng trong tỉnh.

Vì vậy, chính sách của tỉnh đã và đang tiếp tục tăng cường phát triển công nghiệp về các huyện phía Nam, như đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kĩ thuật, nguồn vốn và

các chính sách ưu đãi khác. Nhờ đó, giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng công nghiệp của các huyện phía Nam đang ngày càng tăng cao: huyện Quế Võ, tăng bình quân 33,24%,

huyện Thuận Thành, tăng đến 16,7%, huyện Gia Bình 10,31% và huyện Lương Tài có tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp thấp nhất trên 4,4%/năm.

Bảng 3. GTSX công nghiệp tỉnh Bắc Ninh theo lãnh thổ giai đoạn 2012 - 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Năm					Tăng trưởng BQ giai đoạn (%)
		2012	2013	2014	2015	2016	
1	Thành phố Bắc Ninh	38.099	41.855	49.053	56.804	68.565	15,82
2	Thị xã Từ Sơn	22.136	36.738	73.282	105.098	80.162	37,95
3	Huyện Tiên Du	24.423	25.517	30.598	32.776	39.478	12,76
4	Huyện Yên Phong	274.761	455.691	390.126	420.308	482.980	15,14
5	Huyện Quế Võ	8.047	11.774	18.735	20.358	25.365	33,24
6	Huyện Thuận Thành	2.563	3.495	4.035	4.312	4.754	16,70
7	Huyện Gia Bình	1.435	1.643	2.001	2.090	2.125	10,31
8	Huyện Lương Tài	1.565	1.680	1.769	1.853	1.862	4,44
	Tổng	373.029	578.393	569.599	643.599	705.292	17,26

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 1997- 2016

2.5. Về cơ cấu sản phẩm công nghiệp

Tỉ trọng sản phẩm các ngành công nghiệp của tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, giai đoạn đầu tập trung sản xuất các loại sản phẩm thâm dụng lao động, dựa vào nguyên liệu và nhân công tại chỗ là chính như: chế biến gỗ, sản xuất sắt thép, sản xuất may mặc... Những năm gần đây, các loại sản phẩm công nghiệp ngày càng phong phú, đa dạng, tăng tỉ trọng sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao, như: các sản phẩm điện thoại di động, Linh kiện điện tử, máy móc thiết bị, dụng cụ y tế,

cao su và plastic...

Trong cơ cấu giá trị sản xuất theo sản phẩm công nghiệp, tỉ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến có xu hướng tăng lên, từ 99,82% năm 2012 lên 99,88% năm 2016. Tỉ trọng sản phẩm của ngành công nghiệp khai thác có xu hướng giảm, từ 0,75% năm 2012 xuống còn 0,14% năm 2016. Tỉ trọng các sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước tuy tăng về giá trị nhưng cơ cấu cũng có xu hướng giảm dần từ 0,16% năm 2012 xuống còn 0,12% năm 2016. Trong công nghiệp chế biến có 24 mặt hàng thì có 6 mặt hàng luôn chiếm tỉ trọng

cao trong cơ cấu sản phẩm công nghiệp, đặc biệt là 2 mặt hàng chiếm tỷ trọng siêu lớn và là những sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh, đó là: sản xuất sản phẩm điện tử và máy vi tính và quang học năm 2012 chiếm 80,7% đến năm 2016 đã là 81,6% tổng giá trị sản xuất toàn ngành; sản phẩm thiết bị điện năm 2012 là 2,9% đến năm 2016 đã là 4,1% tổng giá trị sản xuất toàn ngành.

Tuy nhiên, trong cơ cấu GTSX công nghiệp theo nội bộ ngành, thì tỉ trọng các ngành công nghiệp truyền thống thâm dụng nhiều lao động, chiếm 6,5% năm 2012 và 5,2% năm 2016 (bao gồm các ngành: sản xuất thực phẩm và đồ uống; thuốc lá; sản phẩm dệt; sản phẩm may trang phục; sản phẩm gỗ

và lâm sản; giấy và các sản phẩm bằng giấy; giường, tủ, bàn ghế). Điều này cho thấy, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong những năm qua, các ngành có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao đã có sự đầu tư mạnh mẽ và chiếm tỷ trọng rất lớn.

2.6. Về kim ngạch xuất khẩu công nghiệp

Kim ngạch xuất khẩu công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh duy trì được mức tăng trưởng cao, bình quân giai đoạn 2012 – 2016 tăng trưởng bình quân 11,03%/năm, cao ngang bằng với mức tăng bình quân kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (11,1%). Năm 2016, giá trị xuất khẩu công nghiệp đạt 22.813 triệu USD, tăng 51,9% so với năm 2012.

Bảng 4. Kim ngạch xuất khẩu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 – 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm					% tăng trưởng bình quân 2012-2016
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	15041	26.283	21.818	23.274	22.839	11.10
2	Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp	Triệu USD	15.014	26.240	21.759	23.246	22.813	11.03
3	Tỉ trọng xuất khẩu công nghiệp trong giá trị xuất khẩu của tỉnh	%	99,82	99,84	99,73	99,88	99,89	x

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 1997- 2016

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của công nghiệp tỉnh Bắc Ninh là Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Trung Quốc, các thị trường này chiếm đến 65% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Năm 2016, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm 27,3%,

tiếp đến là Đài Loan chiếm 7,8% và Hàn Quốc chiếm 6,7%.

2.7. Về hiệu quả sản xuất công nghiệp

Hiệu quả sản xuất công nghiệp được thể hiện chủ yếu qua năng suất lao động và

đóng góp vào ngân sách Nhà nước. Năng suất lao động công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh tăng nhanh, bình quân 1 lao động năm 2012 tạo ra 1.731,4 triệu đồng giá trị sản xuất, đến năm 2016 đã đạt 2.462, triệu đồng/người về giá trị sản xuất. Nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn liên tục tăng trong thời gian qua, bình quân giai đoạn 2012 - 2016 tăng 31,4%. Tổng thu ngân sách khoảng 9.444,4 tỉ đồng năm 2012 đã tăng lên 16.835 tỉ đồng năm 2016, trong đó đóng góp của các doanh nghiệp công nghiệp cũng tăng mạnh qua các năm, năm 2012 là 34,7% tổng nguồn thu ngân sách đến năm 2016 đã là 47,28%.

2.10. Về cơ sở sản xuất công nghiệp

Từ năm 2012 đến năm 2016, số cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh ngày càng tăng nhanh, năm 2012 toàn tỉnh có 35.939 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó doanh nghiệp là 1135, đến năm 2016 con số này đã lên đến 36.692 cơ sở, tăng 2,1% so với năm 2012, trong đó doanh nghiệp 1.671. Trong đó, phần lớn là cơ sở sản xuất thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến cụ thể năm 2016 có 36.564 cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến, chiếm 99,65% số cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp phân theo địa bàn huyện, thị xã năm 2016 tập trung chủ yếu ở thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du và huyện Yên Phong, các đơn vị này chiếm 83,6% tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp trong tỉnh.

2.11. Về lực lượng lao động công nghiệp

Với lợi thế vị trí địa lý gần với thành phố Hà Nội, số cơ sở công nghiệp tăng nhanh, cùng với giá thuê nhà rẻ, 15 khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã thu hút lượng công nhân

ngày càng nhiều. Lao động công nghiệp của tỉnh tăng cao, giai đoạn 2012 – 2016, tăng từ 215.441 người lên 286.456 người (tăng 32,96%). Tỷ trọng lao động công nghiệp trong cơ cấu lao động của tỉnh cũng tăng lên. Lao động công nghiệp tỉnh Bắc Ninh chủ yếu là người ngoài tỉnh, lao động ngoài tỉnh ở các khu công nghiệp chiếm tới gần 67,22%. Vấn đề này đang gây nhiều khó khăn cho tỉnh Bắc Ninh về ổn định đội ngũ lao động, gây sức ép về nhà ở và cơ sở hạ tầng xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn.

3. Một số giải pháp phát triển và phân bố công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh

Từ thực tiễn nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp đối với việc phát triển và phân bố công nghiệp tỉnh Bắc Ninh như sau:

- *Về vốn*: Tỉnh Bắc Ninh nên tăng thêm các khoản ngân sách hỗ trợ đầu tư vào các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh, cho phép ban hành các cơ chế hấp dẫn (chủ yếu là thuế sử dụng đất, thuế thu nhập doanh nghiệp...) nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư. Đồng thời, cần xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao như: điện tử, viễn thông, phần mềm...

- *Về công nghệ*: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, tập trung đổi mới công nghệ và đưa nghiên cứu khoa học vào phục vụ sản xuất, trước hết là các ngành công nghiệp có thể mạnh. Tăng cường thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn giảm các dự án công nghiệp có hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp, thâm dụng lao động, gây ô nhiễm môi trường.

- *Về nguồn nhân lực*: Nâng cao chất

lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Cần tiếp tục đầu tư đồng bộ, nâng cấp một số trường dạy nghề hiện có, tiếp tục áp dụng chính sách thu hút nhân tài, chăm lo đời sống cho người lao động, tạo môi trường làm việc hiệu quả, có phương pháp hợp lý khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng các khu công nghiệp gắn với các công trình phúc lợi xã hội: nhà ở cho người lao động, trường học, công viên, chợ, nhà trẻ, trung tâm văn hoá thể thao, cơ sở chăm sóc sức khoẻ cho người lao động, nhằm đảm bảo cho các khu công nghiệp phát triển bền vững, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp....

- *Về tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp:* Quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ đô thị một cách phù hợp nhất. Nghiên cứu và lập quy hoạch các khu phân bố dân cư, nhà ở công nhân, dịch vụ công cộng, phục vụ cho phát triển khu, cụm công nghiệp. Tạo mối liên kết giữa các xí nghiệp công nghiệp trong tỉnh và tổ chức mối liên kết công nghiệp trong vùng, liên vùng. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là phát triển giao thông vận tải. Có những chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư, thu hút nguồn nhân lực để phát triển công nghiệp lên các huyện ở phía Nam của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phân bố công nghiệp của tỉnh theo hướng hợp lý và hài hòa hơn.

- *Về môi trường:* Tiến hành đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất; di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không thể khắc phục được ra khỏi các khu dân cư, thị

xã và thị trấn. cấp phép đầu tư hướng vào các dự án “sạch”. Nên ưu tiên chọn những doanh nghiệp có công nghệ đến từ những nước phát triển có các chuẩn môi trường cao, nơi có qui định chặt chẽ về công tác môi trường; cấp phép cho các dự án doanh nghiệp có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, như công nghệ cao, cơ khí, công nghệ thông tin và truyền thông, dược, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường và các ngành sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, vật liệu mới... Những doanh nghiệp công nghiệp tiết kiệm nhiên liệu, không sử dụng nhiều lao động giá rẻ cũng nên được ưu tiên... Hạn chế tối đa việc cấp phép cho những lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như: giấy, dệt nhuộm, xi măng, thép..., những dự án không phù hợp với quy hoạch phát triển của Việt Nam nói chung tỉnh Bắc Ninh nói riêng, gây ảnh hưởng đến định hướng phát triển bền vững của đất nước và của tỉnh.

4.Kết luận

Ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đang phát triển mạnh mẽ, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP, giữ vai trò chủ đạo, thúc đẩy các ngành khác phát triển, phát triển công nghiệp đã gắn với phát triển đô thị. Các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao đã bắt đầu phát triển, chủ yếu trong các khu công nghiệp. GTSX công nghiệp ngày càng tăng lên đã hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu các ngành công nghiệp. Giá trị xuất khẩu của ngành công nghiệp chiếm giữ vị trí chủ đạo trong cơ cấu xuất khẩu của tỉnh. Khu vực kinh

tế có vốn đầu tư nước ngoài là động lực chính trong quá trình phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, sự phát triển công nghiệp còn bộc lộ một số hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức, như: giá trị gia tăng công nghiệp còn thấp, trình độ công nghệ chưa cao, lao động có trình độ chuyên môn cao còn thấp, chủ yếu là lao động ngoài tỉnh chưa được đào tạo cơ bản; tình trạng ô nhiễm môi trường do chậm xử lý chất thải công nghiệp (nước thải, khí thải, chất thải rắn...) cũng như việc phát triển công nghiệp chưa hợp lý giữa các vùng. Trong tương lai, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cần chú trọng phát triển các ngành có hàm lượng chất xám cao, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật cùng với các chính sách ưu đãi khác nhằm phân bố công nghiệp của tỉnh ngày càng hợp lý để đạt hiệu quả cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Tỉnh Bắc Ninh, Niên giám Thống kê từ năm 1997-2016.
2. Khổng Văn Thắng, “Thực trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, Tạp chí Đại học Cửu Long, 1 (2006), 44-51.
3. Khổng Văn Thắng (2013). Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh. Tạp chí khoa học đại học Huế, (Số 8), tr.86-94.
4. Khổng Văn Thắng (2014). Kinh nghiệm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh. Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội-Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (Số 98), tr.41-49.
5. Khổng Văn Thắng (2013). Đề phát triển bền vững các Khu công nghiệp tập trung ở tỉnh Bắc Ninh. Tạp chí Lý luận chính trị, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, (Số 9), tr.57 -60.
6. Khổng Văn Thắng (2013). Sử dụng mô hình SWOT nhằm tìm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất-nhập khẩu nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, (Số 28), tr.45-53.

Ngày nhận bài: 23/3/2017

Ngày gửi phản biện: 14/4/2017